

Orchard School

2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường

Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Orchard School
Đường	921 Fox Lane
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose
Số điện thoại	408-944-0397
Hiệu trưởng	Jeff Bowman
Địa chỉ Email	jbowman@orchardsd.org
Trang web của Trường	https://www.orchardsd.org/
Mã Học khu của Quận (CDS)	43-696330000000

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	Học Khu Orchard
Số điện thoại	(408) 944-0397
Giám đốc	Jeff Bowman
Địa chỉ Email	jbowman@orchardsd.org
Website Học khu	http://www.orchardsd.org/

Tổng quan trường học năm học 2022-23

Học Khu Orchard được một trong những nhà thám hiểm đầu tiên ở Thung Lũng Santa Clara thành lập vào năm 1856, cũng là một trong những trường học đầu tiên ở San Jose, California. Khu học chánh đã có bề dày hoạt động hơn 150 năm. Trường học được dựng xây dựa trên nguyên tắc là một ngôi trường độc lập, chuyên tâm phục vụ nhu cầu của cộng đồng. Tọa lạc ở chính giữa trái tim Thung Lũng Silicon, nơi từng là vườn cây ăn quả và khu vực vườn tược nay đã biến thành trung tâm kinh tế thương mại. Ngày nay, Học Khu Orchard phục vụ nhu cầu của học sinh từ mẫu giáo chuyển tiếp đến lớp tám. Các em được học tập trong khuôn viên xinh đẹp, hiện đại, có cơ sở vật chất tối tân, là trung tâm cho các buổi tụ họp của nhà trường và cộng đồng.

Học Khu có cung cấp chương trình trước và sau giờ học cho trẻ ở độ tuổi đi học cùng chương trình mầm non được Champions quản lý. Học Khu còn có ba lớp giáo dục đặc biệt cho trẻ tự kỷ của Quận Santa Clara.

Hội Đồng Giáo Dục tận lực trong việc cung cấp đường hướng và sự lãnh đạo để bồi đắp môi trường học tập đặt học sinh làm trọng. Sứ mệnh của Orchard: “Em ở đâu, chúng tôi đến đó. Em muốn đến phương trời nào, chúng tôi hỗ trợ em”, cùng tầm nhìn: “Truyền cảm hứng cho từng học sinh, từng gia đình, từng khu phố” chính là kim chỉ nam cho Hội Đồng Giáo Dục. Hội Đồng Giáo Dục đã xác định một vài ưu tiên, hiện là đường hướng để Học Khu liên tục cải thiện.

Trọng Tâm Chiến Lược:

1. Thành Tích của Học Sinh
2. Học Tập về Xã Hội và Cảm Xúc
3. Tài Nguyên Nhân Lực
4. Sự Ổn Định và Bền Vững Tài Chánh
5. Cơ sở vật chất an toàn và được bảo trì tốt
6. Sự Tham Gia của Cộng Đồng

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	105
Lớp 1	85
Lớp 2	83
Lớp 3	82
Lớp 4	65
Lớp 5	76
Lớp 6	87
Lớp 7	105
Lớp 8	77
Tổng Ghi danh	765

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	50.7
Nam	49.3
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.5
Người gốc Châu Á	37.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	4.3
Người Phi Luật Tân	8.6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	34.9
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	3.1
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	4.3
Người Da trắng	6.3
Sinh viên nói tiếng anh	38.0
Những đứa con nuôi	0.0
Vô gia cư	0.8
Nhập cư	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	45.8
Học sinh khuyết tật	8.5

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	38.60	87.73	38.60	87.73	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	1.80	4.09	1.80	4.09	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.00	2.27	1.00	2.27	12115.80	4.41
Không xác định	2.60	5.91	2.60	5.91	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	44.00	100.00	44.00	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	41.60	84.14	41.60	84.14	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	3.70	7.66	3.70	7.66	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.70	1.58	0.70	1.58	11953.10	4.28
Không xác định	3.20	6.61	3.20	6.61	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	49.40	100.00	49.40	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	0.00
Bổ nhiệm sai	1.80	3.70
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	1.80	3.70

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	1.00	0.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.70
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	1.00	0.70

Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	8.10	17.70
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	3.90	0.00

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Tháng, năm thu thập dữ liệu		January 2019	
Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	National Geographic Wonders (TK-3) 2017 Expeditionary Learning (4-8) 2017 Lucy Calkins Writer's Workshop (K-5) 2013	Có	0%
Toán	EngageNY Mathematics (K-8) 2016	Có	0%
Khoa học	STEM Scopes (TK-8) 2022	Có	0%
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Pearson (TK-2) 2018 Teachers Curriculum Institute (3-8) 2018	Có	0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Khuôn viên của Orchard đã hoạt động được 20 năm, nhưng vẫn giữ được nét đẹp của một ngôi trường mới xây. Nhà trường đáp ứng toàn bộ yêu cầu được nêu trong luật Williams. Chưa từng có phụ huynh nào phàn nàn về sự sạch sẽ hoặc cơ sở vật chất bị hư hỏng ở nhà trường. Ủy Ban Cơ Sở Vật Chất luôn tìm kiếm các phương thức mới để cải thiện và nâng cao khuôn viên và cơ sở vật chất của nhà trường.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

12 tháng Một năm 2023

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốt độ Tốt	Tốt độ Bình thườ ng	Tốt độ Khôn g Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			
Sạch Sẽ: Sự Sạch Sẽ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	49	Không có thông tin	49	Không có thông tin	47
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	33	Không có thông tin	33	Không có thông tin	33

2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	507	482	95.07	4.93	48.55
Nữ	243	231	95.06	4.94	58.87
Nam	264	251	95.08	4.92	39.04
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	170	160	94.12	5.88	65.63
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	20	18	90.00	10.00	27.78
Người Phi Luật Tân	48	48	100.00	0.00	68.75
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	196	188	95.92	4.08	28.19
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	17	17	100.00	0.00	52.94
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	32	28	87.50	12.50	50.00
Người Da trắng	21	20	95.24	4.76	70.00
Sinh viên nói tiếng anh	151	136	90.07	9.93	13.97
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	163	152	93.25	6.75	33.55
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0.00	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	55	52	94.55	5.45	5.77

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	507	486	95.86	4.14	32.92
Nữ	243	233	95.88	4.12	32.19
Nam	264	253	95.83	4.17	33.60
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	170	163	95.88	4.12	52.15
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	20	18	90.00	10.00	22.22
Người Phi Luật Tân	48	48	100.00	0.00	43.75
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	196	190	96.94	3.06	13.68
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	17	16	94.12	5.88	18.75
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	32	28	87.50	12.50	32.14
Người Da trắng	21	20	95.24	4.76	55.00
Sinh viên nói tiếng anh	151	142	94.04	5.96	16.20
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	163	154	94.48	5.52	24.68
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0.00	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	55	51	92.73	7.27	3.92

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	31.97		31.97	28.5	29.47

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	152	147	96.71	3.29	31.97
Nữ	71	70	98.59	1.41	31.43
Nam	81	77	95.06	4.94	32.47
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	48	44	91.67	8.33	54.55
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	16	16	100	0	43.75
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	58	57	98.28	1.72	12.28
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	13	13	100	0	30.77
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	40	37	92.5	7.5	5.41
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	43	41	95.35	4.65	19.51
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	16	15	93.75	6.25	6.67

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
---------	------------------------------------	--	---	--	------------------------------

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Orchard School tận lực cung cấp đa dạng các hoạt động và sự kiện để kéo phụ huynh và cộng đồng xích lại gần nhau, để quảng bá sự tham gia của các bên vào quá trình học tập của trẻ. Sự tham gia của phụ huynh cùng tinh thần học tập của học sinh liên tục tăng cao. Sở dĩ chúng tôi đạt được điều này là nhờ Hội Phụ Huynh-Giáo Viên (PTA) và đội ngũ nhân viên hoạt động năng nổ, luôn chào đón và thu hút các gia đình tham gia hoạt động của nhà trường.

Theo như kết quả khảo sát sự tham gia của phụ huynh, cả phụ huynh và học sinh đều cho biết họ cảm thấy được hoan nghênh và thấy tự hào khi là một phần của cộng đồng Orchard School. Xuyên suốt năm học, có vô vàn hoạt động để phô diễn thành tích học tập và tài năng của học sinh, bao gồm Đêm Tựu Trường, Ngày Hội Thông Tin và rất nhiều chương trình tài năng học sinh khác. Phụ huynh được mời tham gia quản trị nhà trường thông qua Hội Đồng Cơ Sở Trường Học/Ủy Ban Tư Vấn Ngôn Ngữ Anh, PTA và chương trình Cà Phê với Hiệu Trường. Điểm nhấn của sự kiện dành cho phụ huynh/cộng đồng bao gồm: Thi Đánh Văn Hàng Năm, Hội Thảo cho Phụ Huynh, Los Dichos, Hội Thảo cho Học Sinh và Họp Hội Đồng Nhà Trường.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học								8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp								84.2	87

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bất kỳ học sinh	0	0	0.0
Nữ	0	0	0.0
Nam	0	0	0.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.0
Người gốc Châu Á	0	0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0.0
Người Phi Luật Tân	0	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0	0	0.0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	0	0	0.0
Người Da trắng	0	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	0	0	0.0
Những đứa con nuôi	0	0	0.0
Vô gia cư	0	0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0	0	0.0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	0	0	0.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	927	821	189	23.0
Nữ	474	416	91	21.9
Nam	453	405	98	24.2
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	5	5	0	0.0
Người gốc Châu Á	367	303	43	14.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	41	34	8	23.5
Người Phi Luật Tân	67	65	12	18.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	315	294	97	33.0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	24	24	5	20.8
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	38	37	11	29.7
Người Da trắng	61	50	12	24.0
Sinh viên nói tiếng anh	379	337	80	23.7
Những đứa con nuôi	0	0	0	0.0
Vô gia cư	22	11	4	36.4
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	420	381	96	25.2
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	89	85	23	27.1

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	1.63	1.63	2.45
Đuổi học	0.00	0.00	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	1.29	0.00	1.29	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.07

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	1.29	0.00
Nữ	0.84	0.00
Nam	1.77	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.27	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	2.44	0.00
Người Phi Luật Tân	1.49	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2.22	0.00
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	4.17	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	1.64	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	1.06	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1.43	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	1.12	0.00

Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Orchard School đã thiết lập các biện pháp thực hành an toàn ở nhà trường, chính là một phần của Kế Hoạch An Toàn Toàn Diện ở Nhà Trường. Các biện pháp thực hành này được áp dụng thông qua các buổi diễn tập hàng tháng, do nhân viên nhà trường thực hiện. Hàng năm, học sinh và giáo viên đều được huấn luyện để tuân thủ các quy trình và hành vi phù hợp trong các trường hợp khẩn cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở, động đất, hoả hoạn và cảnh báo đóng cửa. Quy trình đóng cửa do San Jose Police Department (Sở Cảnh Sát San Jose) chủ trì. Ý kiến đóng góp từ phụ huynh, nhân viên và cộng đồng, cũng như ý kiến của cơ quan chính quyền địa phương được tích hợp trong Kế Hoạch An Toàn Toàn Diện ở Nhà Trường. Kế Hoạch An Toàn Toàn Diện ở Nhà Trường được Hội Đồng Cơ Sở Trường Học và Hội Đồng Giáo Dục tái xét hàng năm. Hội Đồng Giáo Dục tái xét và phê duyệt các quy trình được nêu trong Kế Hoạch An Toàn Toàn Diện ở Nhà Trường.-----

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

2019-20 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	18	3	4	
1	18	4	1	
2	22	1	3	
3	20	4		
4	25		3	
5	26		4	
6	15	22	15	
Khác	8	2		

2020-21 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	17	4	3	
1	20	1	4	
2	21	2	2	
3	20	3	1	
4	24		3	
5	24		3	
6	22	6	24	
Khác	8	2		

2021-22 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	19	5		
1	18	4		
2	20	4		
3	18	4		
4	16	4		
5	18	1	3	
6	15	20	16	
Khác	14	2	1	

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	18	6	4	
Toán	20	6	3	
Khoa học	20	5	4	
Khoa học Xã hội	25	2	5	

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	20	5	3	
Toán	20	5	3	
Khoa học	20	5	3	
Khoa học Xã hội	22	4	3	

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	16	11	1	
Toán	17	11		
Khoa học	17	9	2	
Khoa học Xã hội	16	11		

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	382.5

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	2.0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	11,587	3,594	7,993	\$86,217
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin		\$93,639
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin		-8.3
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$74,053
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	19.2	15.2

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

Orchard School nhận được nguồn quỹ của tiểu bang và liên bang để mang đến cơ hội bình đẳng cho học sinh có nguy cơ. Học sinh Hạn Chế Anh Ngữ nhận được hỗ trợ bằng ngôn ngữ chính của các em, là Tiếng Việt và Tiếng Tây Ban Nha. Các học sinh chưa có thành tích cao trong học tập, bao gồm cả những em được xác định theo Điều I, được một chuyên gia hỗ trợ về khả năng đọc. Nhà trường đã triển khai một số chương trình can thiệp trước và sau giờ học cho môn ngữ văn và toán học để hỗ trợ học sinh có trình độ dưới cấp lớp. Nhiều giáo viên tổ chức các buổi gia sư sau giờ học để giúp học sinh nắm bắt được nội dung cốt lõi. Nhà trường tổ chức chương trình học hè vào mỗi mùa hè cho học sinh có nguy cơ, để củng cố kỹ năng cơ bản cho các em. Champions tổ chức chương trình mầm non (do phụ huynh đóng tiền) trong khuôn viên của Orchard để phục vụ trẻ sơ sinh đến bốn tuổi.

Ngoài ra, học khu cũng đã phát triển nhiều cơ hội cho học sinh giáo dục đặc biệt trong khuôn viên học khu. Từ chương trình mầm non do học khu điều hành đến lớp cho trẻ tự kỷ của quận, khuôn viên nhà trường chào đón và cho học sinh có nhu cầu đặc biệt được học tập bình thường trong một môi trường an toàn. Chương trình tuyệt vời này tiếp tục phát triển và ngày càng phục vụ nhiều học sinh hơn.

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$63,677	\$46,844
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$95,853	\$73,398
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$113,790	\$93,345
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$138,804	\$116,457
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$122,115
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)		
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$221,000	\$136,296
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	41%	30%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5%	6%

Phát triển Chuyên môn

Phần này cung cấp thông tin về số ngày đi học được dành riêng cho việc bồi dưỡng đội ngũ nhân viên trong giai đoạn ba năm gần nhất.

Kể từ năm học 2015–2016, hàng năm học khu Orchard đều cho học sinh được nghỉ học ba ngày để phát triển chuyên môn cho giáo viên. Hoạt động này được thực hiện trong ba năm qua và gặt hái được nhiều thành công. Giáo viên được phát triển chuyên môn liên quan đến học liệu dựa trên tiêu chuẩn, kết hợp với việc áp dụng và triển khai chương trình giảng dạy. Nhân viên mới được đồng nghiệp và nhà cung cấp hỗ trợ của Chương Trình Hỗ Trợ và Đánh Giá Giáo Viên Mới Vào Nghề (BTSA) đào tạo. Giáo viên cũng được tập huấn để kết hợp công nghệ vào giảng dạy các lĩnh vực cốt lõi. Giáo viên được hướng dẫn cách tận dụng dữ liệu để đưa ra các quyết định về giảng dạy trong lớp học. Kỷ luật, động lực và sự tham gia của học sinh là những chủ đề thảo luận quan trọng trong những ngày đào tạo giáo viên. Thêm vào đó, nhiều giáo viên tham gia các hội thảo phát triển chuyên môn ở Santa Clara County Office of Education (Văn Phòng Giáo Dục Quận Santa Clara) trong suốt năm học trong quá trình họ triển khai Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang. Sau khi dự tập huấn, chính các giáo viên này sẽ tổ chức đào tạo cho các nhân viên còn lại. Giáo viên cũng có cơ hội tham gia Học Viện Đại Học Mùa Hè cho Giáo Viên để biết thêm về công tác giảng dạy đọc viết.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	3	5	5